

**BỘ CÔNG THƯƠNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI**

BÀI VIẾT

**“PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH CUNG CẦU VÀ DỰ BÁO MẶT HÀNG HẠT TIÊU,
THÁNG 11 VÀ 11 THÁNG NĂM 2024”**

(Thực hiện nhiệm vụ “Cung cấp thông tin phân tích và dự báo thị trường nhằm thúc đẩy và nâng cao hiệu quả kinh doanh, tiêu thụ nông sản trong nước” năm 2024)

PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH CUNG CẦU VÀ DỰ BÁO MẶT HÀNG HẠT TIÊU

(Tháng 11 và 11 tháng năm 2024)

I. NGUỒN CUNG

1. Tình hình sản xuất, canh tác cây hồ tiêu

- Tình hình sản xuất, canh tác cây hồ tiêu

Indonesia cơ bản đã kết thúc vụ thu hoạch tiêu năm 2024 (vụ thu hoạch tiêu của Indonesia bắt đầu từ tháng 7) và Brazil đang vào cuối vụ thu hoạch tiêu năm 2024 (vụ thu hoạch tiêu của của Brazil bắt đầu từ tháng 9/2024).

Do tiêu được giá nên người trồng tiêu đang tập trung, gia tăng đầu tư chăm bón, canh tác cho cây tiêu. Tuy nhiên việc mở rộng diện tích cây tiêu còn khá dè dặt cho dù giá tiêu đã tăng mạnh trong thời gian qua do người trồng vẫn lo ngại rủi ro trong bối cảnh giá cây giống tăng cao, dịch bệnh trên cây tiêu nhiều và diễn biến khó lường, thời tiết bất lợi và nhiều cây trồng khác cho giá trị kinh tế cao hơn như cà phê, sầu riêng và một số loại cây ăn quả khác.

Nguồn cung tiêu trước mắt sẽ tương đối dồi dào nhờ được bổ sung từ vụ mới thu hoạch của Brazil và Indonesia. Nhưng với việc Indonesia đã kết thúc vụ thu hoạch từ tháng 10 còn Brazil cũng đang vào cuối vụ thu hoạch, trong khi nguồn cung từ Việt Nam cũng đã cạn kiệt và vụ thu hoạch tiêu năm 2025 của Việt Nam phải đến cuối tháng 2 mới cho thu hoạch, thậm chí có thể chậm hơn do điều kiện thời tiết không thuận. Cùng với đó, sản lượng tiêu năm 2025 của Việt Nam có thể vẫn tiếp tục giảm do thời tiết khô hạn từ năm 2023 và những tháng đầu năm 2024 và tiếp đến là mưa nhiều từ nửa cuối năm 2024.

Kết quả khảo sát tại các vườn tiêu tại các vùng trọng điểm của Việt Nam cho thấy các chuỗi hạt tiêu khá nhiều nhưng không ít chuỗi hạt thưa thớt. Bên cạnh đó hạt tiêu vẫn còn rất non so với cùng kỳ năm ngoái.

Tại Brazil sản lượng tiêu của Brazil có khả năng sẽ vẫn thấp do điều kiện thời tiết khắc nghiệt, biến đổi khí hậu ảnh hưởng tiêu cực đến mùa vụ. Hồ tiêu cũng đang đối mặt với sự cạnh tranh từ các cây trồng có điều kiện canh tác tương tự nhưng mang lại lợi nhuận tốt hơn cho nông dân. Một trong những loại cây trồng cạnh tranh như vậy là cà phê. Sản lượng của cây trồng này cũng đang chịu áp lực khi các nhà nghiên cứu chỉ ra rằng nhiệt độ tăng có thể làm giảm 50% diện tích thích hợp để trồng cà phê. Do đó, việc người nông dân chặt bỏ hồ tiêu để trồng cà phê hoàn toàn có thể xảy ra trong thời gian tới.

Nhiều dự báo tiếp tục dự báo kém tích cực về sản lượng tiêu năm 2025. Theo đó, dự báo sản lượng tiêu năm 2025 của nhiều nước có thể sẽ kém hơn năm 2024 do tác động tiêu cực của tình trạng khô hạn trong năm 2023 và những tháng đầu năm 2024 khiến khả năng sinh trưởng, phát triển của cây bị hạn chế và những tháng cuối năm 2024 tiếp tục hứng chịu mưa, lũ nhiều có thể khiến tiêu dễ rụng trái, thiếu dinh

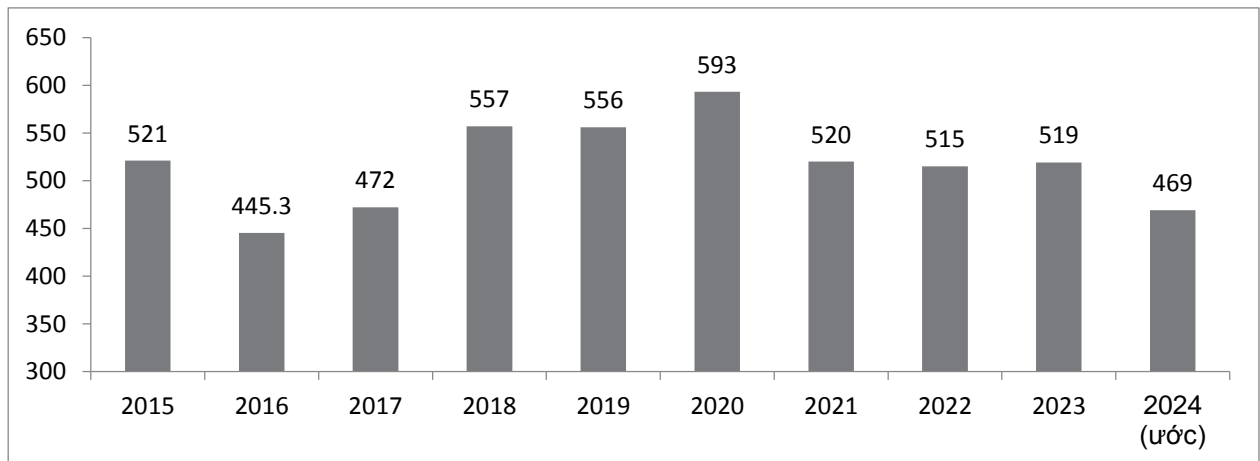
duỡng, bị vàng lá, ngập úng, nhiễm sâu bệnh hại... từ đó làm giảm năng suất và sản lượng tiêu. Do vậy, dự báo sản lượng tiêu toàn cầu năm 2025 có thể chỉ đạt khoảng 460 nghìn tấn, giảm so với mức 469 nghìn tấn của năm 2024 và là mức thấp nhất kể từ năm 2016 đến nay.

Bảng 1. Sản lượng hạt tiêu phân theo nước năm 2022, năm 2023 và dự báo năm 2024 (nghìn tấn)

Tên nước	Năm 2022 (nghìn tấn)	Năm 2023 (nghìn tấn)	So với năm 2022 (%)	Dự báo năm 2024 (nghìn tấn)	So với năm 2023 (%)
Tổng	515.160	518.700	0,69	468.500	-9,7
Việt Nam	183.400	190.000	3,60	171.000	-10,00
Brazil	104.000	108.000	3,85	86.000	-20,4
Ấn Độ	70.000	64.000	-8,57	63.500	-0,78
Indonesia	54.000	52.500	-2,78	48.500	-7,62
Trung Quốc	33.360	33.400	0,12	30.500	-8,68
Campuchia	16.500	16.600	0,61	9.100	-45,1
Malaysia	22.000	23.000	4,55	22.000	-4,3
Sri Lanka	20.400	19.500	-4,41	26.500	35,9
Khác	11.500	11.700	1,74	11.450	-2,14

Nguồn: Trung tâm Thông tin CN&TM tổng hợp

Biểu đồ 1. Sản lượng hạt tiêu thế giới qua các năm, ước năm 2024 (nghìn tấn)



Nguồn: Trung tâm Thông tin CN&TM tổng hợp

Còn tại Việt Nam, người trồng tiêu đang tập trung chăm sóc cây tiêu khi tiêu đang nuôi hạt. Do ảnh hưởng của thời tiết hạn nặng nửa cuối năm 2023 đến đầu năm 2024 tiếp đến là mưa nhiều từ nửa cuối năm 2024 đến nay đã ảnh hưởng tiêu cực đến sinh trưởng cây tiêu cũng như năng suất tiêu.

Bên cạnh đó, việc mở rộng diện tích cây tiêu vẫn khá dè dặt cho dù giá tiêu đã tăng mạnh trong thời gian qua do người trồng vẫn lo ngại rủi ro trong bối cảnh giá cây giống tăng cao, dịch bệnh trên cây tiêu nhiều và diễn biến khó lường, thời tiết bất lợi và nhiều cây trồng khác cho giá trị kinh tế cao hơn như cà phê, sầu riêng và một số loại cây ăn quả khác.

Cùng với tập trung chăm sóc vườn tiêu hiện có, xu hướng sản xuất và canh tác tiêu theo hướng hữu cơ, bền vững tiếp tục được nhân rộng.

Mới đây, tại Đắk Nông, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đắk Nông tổ chức Diễn đàn “Giải pháp canh tác hồ tiêu bền vững giảm phát thải khí nhà kính tại tỉnh Đắk Nông”.

Theo thông tin tại diễn đàn, Đắk Nông hiện có hơn 34.000 ha hồ tiêu, năng suất bình quân khoảng 2,4 tấn/ha; tổng sản lượng hàng năm đạt khoảng 70.000 tấn/năm. Hồ tiêu Đắk Nông đứng thứ nhất khu vực Tây Nguyên và cả nước về diện tích; đứng thứ 2 cả nước (sau Đắk Lắk) về sản lượng. Diện tích hồ tiêu tập trung nhiều nhất tại Đắk Song, Đắk R’lấp, Đắk Mil. Đắk Nông đang phát triển hồ tiêu thành ngành sản xuất hàng hóa tập trung, đáp ứng đủ điều kiện xuất khẩu trên thị trường thế giới, Đắk Nông.

Tỉnh Đắk Nông đã xây dựng các nghị quyết, đề án, chương trình, kế hoạch phát triển hồ tiêu cụ thể. Trong đó, tỉnh định hướng phát triển cây hồ tiêu theo vùng sản xuất quy mô lớn, tập trung, nâng cao chất lượng sản phẩm, gắn với bảo quản, chế biến và tiêu thụ theo chuỗi giá trị. Đến nay, toàn tỉnh có 322,8 ha hồ tiêu đạt chứng nhận VietGAP; 601,7ha đạt chứng nhận hữu cơ và 2.219,8 ha đạt các tiêu chuẩn khác như Flo, Rainforest...

Tại diễn đàn, các chuyên gia, nhà khoa học, doanh nghiệp, cơ quan quản lý đã trình bày một số tham luận về thực trạng và giải pháp phát triển hồ tiêu bền vững, các ứng dụng tiên bộ khoa học kỹ thuật mới trong canh tác hồ tiêu bền vững giảm phát thải khí nhà kính. Giải pháp sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, phân bón trên cây hồ tiêu thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm phát thải khí nhà kính...

Các hộ trồng tiêu trên địa bàn tỉnh cũng nêu ý kiến, kiến nghị với cơ quan chức năng, doanh nghiệp về thực trạng quản lý phân bón; biện pháp giúp nông hộ áp dụng canh tác giảm phát thải khí nhà kính; cách phòng, trừ bệnh chết nhanh, chết chậm, sử dụng giống tiêu chất lượng...

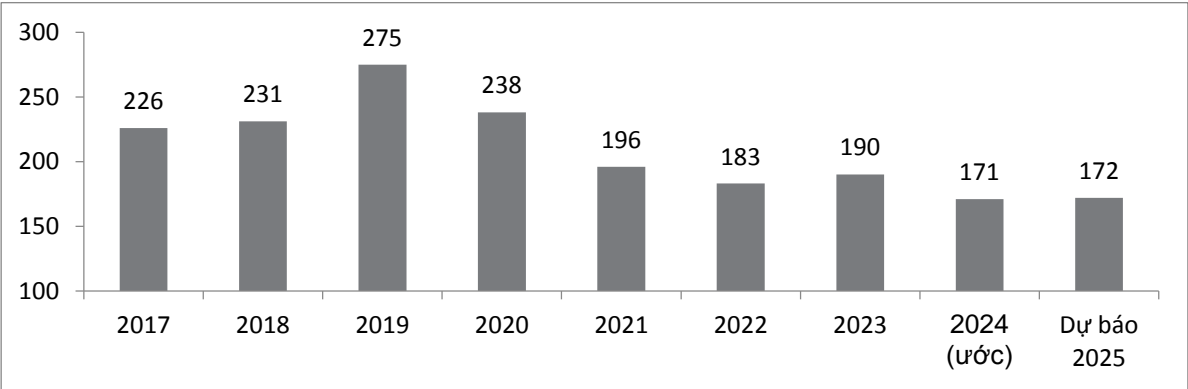
Đắk Nông cũng đặt mục tiêu đến năm 2025 duy trì khoảng 34.000 ha hồ tiêu, sản lượng đạt khoảng 73.000 tấn/vụ; đến năm 2030, diện tích đạt khoảng 33.600 ha, sản lượng khoảng trên 73.000 tấn/vụ

Tỉnh Đắk Nông đang hình thành và phát triển 4 vùng sản xuất hồ tiêu ứng dụng công nghệ cao, vùng sản xuất tập trung, với tổng diện tích 3.049 ha tại các vùng trọng điểm sản xuất hồ tiêu.

Tại Bình Phước, hiện diện tích trồng hồ tiêu của tỉnh còn khoảng 12.450 ha, giảm khá nhiều trong những năm gần đây do giá thấp, dịch bệnh, chuyển đổi cây trồng... Nhiều gia đình vẫn “cầm cự” chăm sóc hồ tiêu khi giá xuống và sản xuất theo hướng hữu cơ. Từ đầu năm 2024, giá thu mua tăng vượt mốc 100.000 đồng/kg đã và đang mang lại niềm vui cho nhà nông trồng hồ tiêu. Bên cạnh đó, việc chuyển hướng trồng hồ tiêu theo hướng hữu cơ đã mang lại nhiều lợi ích cho người trồng lẫn người tiêu dùng. Cách làm này đang mở ra hướng đi mới vừa mang tính bền vững trong canh tác, vừa ổn định thu nhập cho người trồng hồ tiêu.

Còn tại tỉnh Bình Định, trước tình hình giá hồ tiêu tăng cao, nhiều nông dân tại Hoài Ân có ý định mở rộng quy mô trồng hồ tiêu. Tuy nhiên, cơ quan chức năng khuyến cáo cần thận trọng để tránh rủi ro cung vượt cầu trong tương lai. Bà con không nên mở rộng diện tích trồng hồ tiêu một cách ồ ạt. Thay vào đó, cần tập trung nâng cao chất lượng cây trồng, áp dụng các kỹ thuật tiên tiến để tăng năng suất và chất lượng sản phẩm. Theo nhận định của các chuyên gia nông nghiệp, giá hồ tiêu tăng có thể chỉ mang tính tạm thời, vì thị trường hồ tiêu thường xuyên có biến động lớn. Toàn huyện hiện có khoảng 300 ha hồ tiêu, trong đó 260 ha đã cho thu hoạch. Năng suất ước đạt khoảng 7 tấn/ha, một con số khá khả quan dù có giảm nhẹ so với những năm trước, do thiếu đầu tư, theo Báo Bình Định.

Biểu đồ 2. Sản lượng hạt tiêu của Việt Nam qua các năm và dự báo năm 2025 (nghìn tấn)



Nguồn: Trung tâm TTCN&TM tổng hợp

2. Tình hình nhập khẩu

Trong tháng 9/2024 Việt Nam đã nhập khẩu 2.430 tấn hạt tiêu, tăng 63% so với tháng trước.

Tính chung 9 tháng đầu năm, Việt Nam đã nhập khẩu 23.778 tấn hồ tiêu các loại, trong đó tiêu đen đạt 20.890 tấn, tiêu trắng đạt 2.888 tấn, tổng kim ngạch nhập khẩu đạt 102 triệu USD, so với cùng kỳ năm 2023 lượng nhập khẩu tăng 15,8%

Các doanh nghiệp nhập khẩu chủ yếu bao gồm: Olam Việt Nam, Pearl Group, KSS Việt Nam, Phúc Sinh và Liên Thành trong đó Olam chiếm thị phần lớn nhất 35,7% đạt 8.498 tấn, tăng 11,0%. Về nguồn cung, Brazil, Campuchia và Indonesia là 3

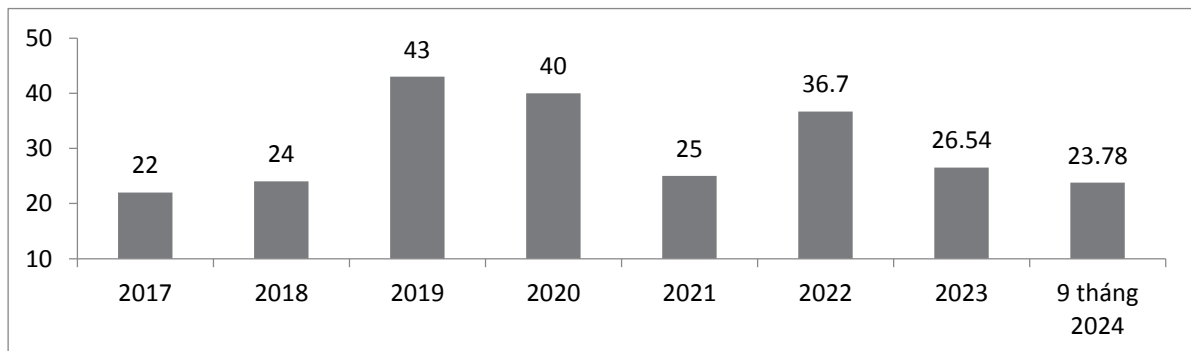
quốc gia cung cấp hồ tiêu chủ yếu cho Việt Nam chiếm 90,3% lần lượt đạt 8.512 tấn, 6.651 tấn và 6.317 tấn, trong đó nhập khẩu từ Brazil giảm 32% trong khi đó nhập khẩu từ Campuchia tăng 95,4% và Indonesia tăng 134,2%

Bảng 2. Thị trường cung cấp hồ tiêu cho Việt Nam

Thị trường	Năm 2023 (tấn)	Năm 2023 so năm 2022 (%)	9 tháng năm 2024 (tấn)	9 tháng 2024 so cùng kỳ năm 2023 (%)
Tổng	26.538	-27,7	23.778	15,8
Brazil	16.598	31,6	8.512	-32,0
Campuchia	3.763	-71,7	6.651	95,4
Indonesia	3.237	-43,8	6.317	134,2
Singapore	95	-50,3	434	361,7
Malaysia	561	-53,1	387	-0,8
Mỹ	231	59,3	101	62,9
Trung Quốc	168	-57,3	283	137,8

Nguồn: Trung tâm TTCN&TM tổng hợp

Biểu đồ 3. Nhập khẩu hồ tiêu của Việt Nam qua các năm và 9 tháng năm 2024 (nghìn tấn)



Nguồn: Trung tâm TTCN&TM tổng hợp

II. TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, tháng 10/2024, cả nước xuất khẩu được 18.415 tấn hạt tiêu, tổng kim ngạch 120,57 triệu USD tăng 7,7% về lượng và tăng 9,1% về kim ngạch so với tháng trước; còn so với cùng kỳ năm 2023 giảm 4,8% về lượng nhưng tăng 65,3% về kim ngạch.

Hoa Kỳ vẫn là thị trường xuất khẩu lớn nhất trong tháng 10 chiếm 27,7% đạt 5.128 tấn, giảm 8,5% so với tháng 9. Tiếp theo là các thị trường: Hồng Kông đạt 1.784 tấn, UAE đạt 1.382 tấn, Hà Lan đạt 1.000 tấn và Đức đạt 960 tấn.

Tính chung 10 tháng đầu năm 2024, Việt Nam đã xuất khẩu được 219 nghìn tấn hồ tiêu các loại, trong đó tiêu đen đạt gần 194 nghìn tấn, tiêu trắng đạt gần 26 nghìn tấn với tổng kim ngạch xuất khẩu đạt hơn 1,1 tỷ USD, trong đó, tiêu đen đạt 881,6 triệu USD, tiêu trắng đạt 162,6 triệu USD. So với cùng kỳ năm trước lượng xuất

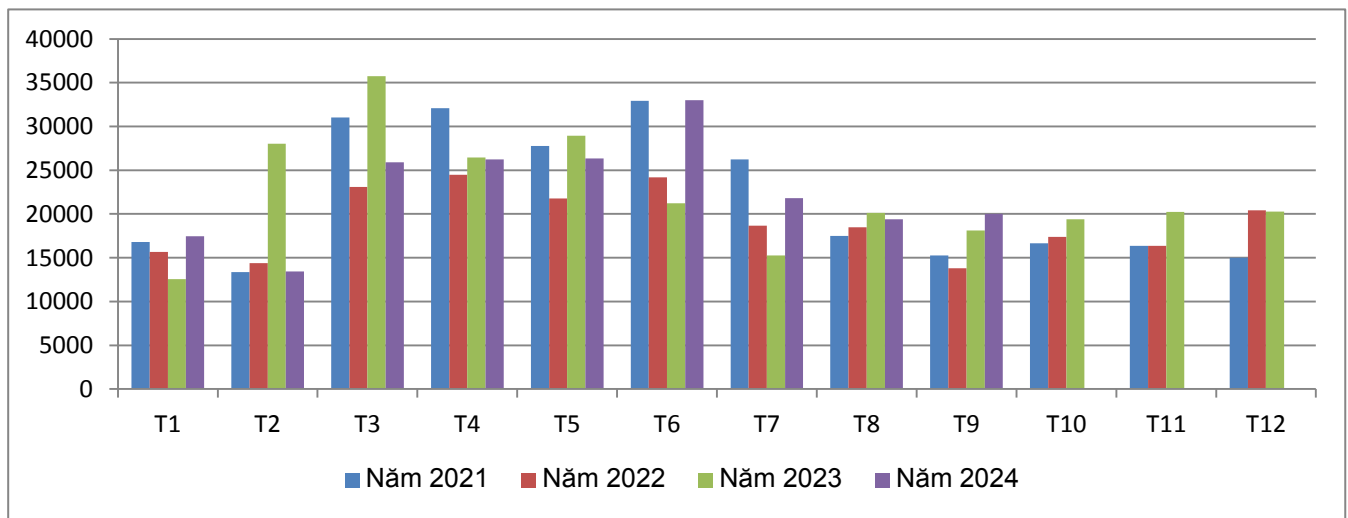
khẩu giảm 2,97% (tiêu đen giảm 3,3%, tiêu trắng tăng 10,8%), tuy nhiên kim ngạch xuất khẩu lại tăng đến 47,0%.

Trong 10 tháng đầu năm 2024, Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của hồ tiêu Việt Nam chiếm 28,5% đạt 62.553 tấn, tăng 48,2% so với cùng kỳ năm trước.

Tiếp theo là các thị trường: UAE đạt 13.576 tấn, chiếm 6,3%, tăng 36,0%; Đức đạt 14.346 tấn, chiếm 6,6%, tăng 82,3%; Ấn Độ đạt 9.492 tấn, chiếm 4,4%, giảm 10,8% và Hà Lan đạt 9.135 tấn, chiếm 4,3%, tăng 37,1% so với cùng kỳ.

Trung Quốc là thị trường xuất khẩu lớn thứ 6 của Việt Nam đạt 9.252 tấn tuy nhiên so cùng kỳ lượng xuất khẩu giảm đến 84%.

Biểu đồ 4. Xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam qua các tháng từ năm 2021 đến nay
(ĐVT: tấn)



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 3. Xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam sang các thị trường tháng 10 và 10 tháng năm 2024

Tên thị trường	Tháng 10/2024						10 tháng năm 2024			
	Lượng	Trị giá (nghìn USD)	Lượng so với tháng trước (%)	Trị giá so với tháng trước (%)	Lượng so với tháng 10/2023 (%)	Trị giá so với tháng 10/2023 (%)	Lượng	Trị giá (nghìn USD)	Lượng so với cùng kỳ 2023 (%)	Trị giá so với cùng kỳ 2023 (%)
Tổng	18.415	18.415	7,66	9,15	-4,81	65,29	218.732	1,110,468	-2,97	46,99
Hoa Kỳ	5.958	5.958	-5,55	-5,9	15,51	87,51	64.112	337,791	48,25	95,21
Đức	1.402	1.402	72,87	81,27	46,04	145,45	14.346	79,657	82,33	143,56
Hà Lan	1.068	1.068	74,23	62,69	79,19	183,48	9.135	52,210	37,12	76,26
Anh	759	0.759	135,71	134,77	78,59	148,14	5.210	26,721	22,01	45,8
Ba Lan	684	0.684	117,14	126,19	314,55	613,72	2.925	15,688	28,46	93,03
UAE	631	0.631	-45,84	-46,29	-9,6	76,69	13.575	72,677	35,91	115,4
Philippines	540	0.54	37,76	46,42	3,05	84,95	6.738	27,640	3,42	41,34
Nhật Bản	517	0.517	48,14	64,92	4,23	72,61	3.549	15,570	0,37	34,48
Thái Lan	464	0.464	7,16	5,77	31,44	116,04	4.825	29,450	11,23	54,6
Nga	410	0.41	-29,79	-27,6	-31,78	38,14	5.669	29,572	18,23	80,2

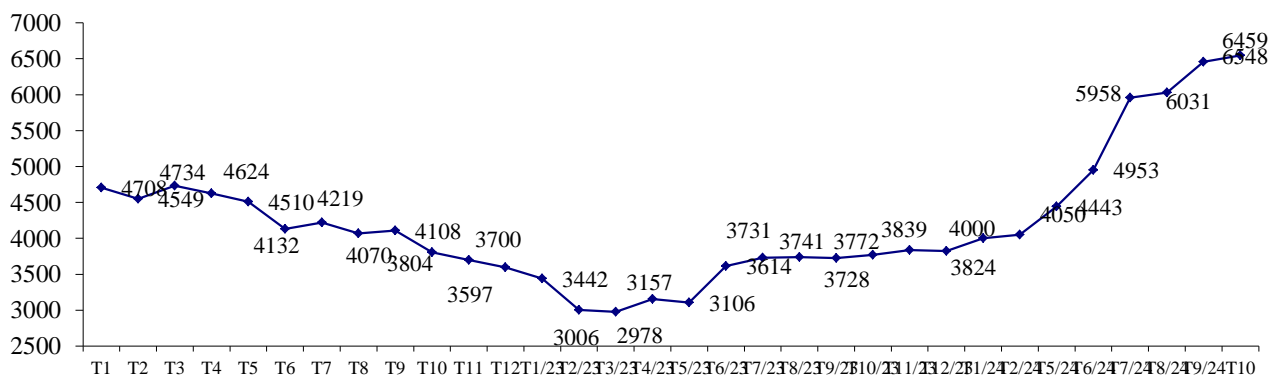
Tên thị trường	Tháng 10/2024						10 tháng năm 2024			
	Lượng	Trị giá (nghìn USD)	Lượng so với tháng trước (%)	Trị giá so với tháng trước (%)	Lượng so với tháng 10/2023 (%)	Trị giá so với tháng 10/2023 (%)	Lượng	Trị giá (nghìn USD)	Lượng so với cùng kỳ 2023 (%)	Trị giá so với cùng kỳ 2023 (%)
Hàn Quốc	381	0.381	-16,08	-8,39	-27,43	40,99	6.093	33,842	38,67	94,68
Australia	339	0.339	123,03	104,77	54,09	86,69	2.129	11,130	27,1	51,65
Ai Cập	330	0.33	-12,23	-16,34	-0,9	86,18	5.084	24,678	32,4	109,8
Canada	291	0.291	-26,33	-27,51	-46,21	-7,08	3.630	20,127	24,06	77,73
Ả Rập Xê Út	286	0.286	144,44	120,24	-15,38	52,56	2.843	14,465	-8,08	36,14
Nam Phi	282	0.282	2,55	29,43	18,99	77,05	2.412	10,241	20,6	51,76
Tây Ban Nha	271	0.271	122,13	105,99	-18,13	36,88	2.980	16,427	31,51	79,77
Pháp	216	0.216	-19,1	-19,23	-12,9	77,03	4.085	21,312	29,81	77,43
Thổ Nhĩ Kỳ	185	0.185	32,14	37,12	-54,32	-29,19	3.982	17,153	2,08	41,66
Senegal	162	0.162	-23,58	-20,93	113,16	372,87	2.264	10,552	20,43	82,33
Ấn Độ	126	0.126	-53,33	-57,87	-90,31	-84,85	9.462	44,029	-10,75	13,61
Pakistan	117	0.117	-39,38	-40,55	-44,29	20,42	5.187	23,037	49,65	112,21
Malaysia	117	0.117	11,43	6,19	-26,42	37,19	1.619	8,790	5,61	48,81
Bi	109	0.109	-39,78	-50,56			994	5,387	99,2	135,3
Ukraine	96	0.096			7,87	106,69	239	1,452	-32,68	18,1
Italy	88	0.088	-30,71	3,72	-40,14	21,25	1522	7,412	55,78	97,64
Singapore	70	0.07	55,56	92,06	-24,73	35,51	494	2,982	0,2	44,41
Algeria		0	-100	-100	-100	-100	467	1,899	-54,17	-38,99
Kyrgyzstan		0	-100	-100	-100	-100	568	2,540	-4,22	53,63

Nguồn: Trung tâm TTCN&TM tổng hợp từ nguồn TCHQ Việt Nam

Giá xuất khẩu bình quân tiêu đen trong tháng 10/2024 đạt 6.284 USD/tấn giảm 28 USD/tấn và tiêu trắng đạt 8.029 USD/tấn tăng 191 USD so với tháng trước.

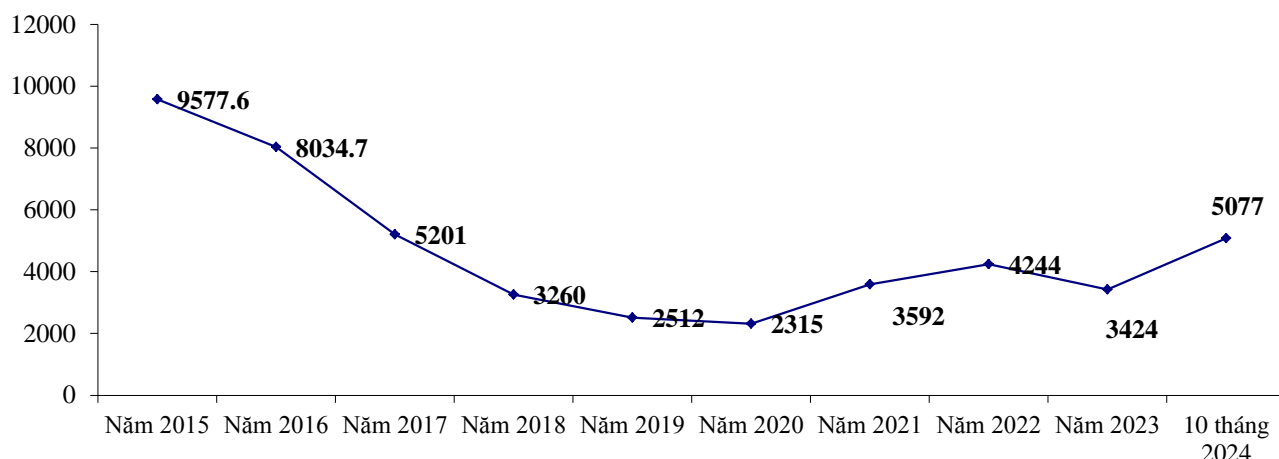
Giá xuất khẩu bình quân tiêu đen 10 tháng năm 2024 đạt 4.971 USD/tấn, tăng 1.528 USD và tiêu trắng đạt 6.626 USD/tấn, tăng 1.671 USD so với cùng kỳ năm 2023.

Biểu đồ 5. Giá xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam qua các tháng từ năm 2022 đến nay (ĐVT: USD/tấn)



Nguồn: Trung tâm TTCN&TM tổng hợp từ nguồn TCHQ Việt Nam

Biểu đồ 6. Giá xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam qua các năm và 10 tháng năm 2024 - giá xuất khẩu bình quân (Đvt: USD/tấn)



Nguồn: Trung tâm TTCN&TM tổng hợp từ nguồn TCHQ Việt Nam

Trong tháng 10/2024, giá xuất khẩu tiêu bình quân sang thị trường Italia đạt cao nhất, với 7.736 USD/tấn, tăng 49,69% so với tháng trước và tăng 102,55% so với cùng kỳ năm 2023; tiếp đến là Singapore đạt 7.615 USD/tấn, tăng 23,47% so với tháng trước và tăng 80,3% so với tháng 8/2023...

Bảng 4. Giá xuất khẩu hồ tiêu bình quân sang các thị trường tháng 10 và 10 tháng năm 2024

Tên thị trường	Tháng 10/2024			10 tháng năm 2024	
	Giá (USD/tấn)	So với tháng trước (%)	So với tháng 10/2023 (%)	Giá (USD/tấn)	So với cùng kỳ năm 2023 (%)
Tổng	6.548	1,37	73,64	5.077	51,49
Italy	7.736	49,69	102,55	4.870	26,87
Singapore	7.615	23,47	80,03	6.036	44,12
Pháp	7.536	-0,16	103,25	5.217	36,69
Pakistan	7.389	-1,93	116,13	4.441	41,8
Thái Lan	7.384	-1,3	64,35	6.104	39
Đức	7.341	4,86	68,07	5.553	33,58
Hàn Quốc	7.323	9,16	94,28	5.554	40,39
Hà Lan	7.261	-6,62	58,19	5.715	28,54
Tây Ban Nha	7.229	-7,27	67,19	5.512	36,7
Nga	7.061	3,13	102,49	5.216	52,42
Malaysia	6.965	-4,7	86,43	5.429	40,91
Canada	6.858	-1,61	72,74	5.545	43,26
Ukraine	6.793		91,62	6.076	75,42
Các tiểu Vương Quốc Ả Rập Thống Nhất	6.656	-0,84	95,46	5.354	58,48
Ả Rập Xê Út	6.573	-9,9	80,29	5.088	48,11

Tên thị trường	Tháng 10/2024			10 tháng năm 2024	
	Giá (USD/tấn)	So với tháng trước (%)	So với tháng 10/2023 (%)	Giá (USD/tấn)	So với cùng kỳ năm 2023 (%)
Ấn Độ	6.500	-9,71	56,28	4.653	27,3
Hoa Kỳ	6.450	-0,38	62,33	5.269	31,68
Senegal	6.290	3,48	121,84	4.661	51,41
Ba Lan	6.275	4,17	72,17	5.363	50,27
Ai Cập	5.971	-4,68	87,88	4.854	58,46
Anh	5.919	-0,4	38,95	5.129	19,5
Nhật Bản	5.723	11,33	65,6	4.387	33,99
Bi	5.663	-17,89		5.419	18,12
Australia	5.336	-8,19	21,15	5.228	19,31
Philippines	5.295	6,29	79,47	4.102	36,66
Thổ Nhĩ Kỳ	5.236	3,77	55,01	4.308	38,78
Nam Phi	4.804	26,22	48,8	4.246	25,83
Algeria				4.067	33,13
Kyrgyzstan				4.472	60,39
Kuwait				5.223	50,05
Myanmar				3.850	21,98

Nguồn: Trung tâm TTCN&TM tổng hợp từ nguồn TCHQ Việt Nam

III. DIỄN BIẾN GIÁ

Giá tiêu trong nước tháng 11/2024 biến động trong phạm vi hẹp trong bối cảnh giá tiêu thế giới và giá tiêu xuất khẩu của Việt Nam giảm đáng kể cho dù nguồn cung trong nước gần như cạn. Tính đến cuối tháng 11/2024 giá tiêu đen giao dịch trong khoảng 141.000 – 143.000 đ/kg, gần như không đổi so với cuối tháng trước.

Trên thị trường thế giới, dù nguồn cung từ Brazil và Indoensia đã bớt dồi dào khi hai nước này đã vào cuối vụ thu hoạch, trong khi nguồn cung từ Việt Nam gần như không còn mấy, nhưng do nhu cầu nhập khẩu chững lại khi các nhà nhập khẩu cầm chừng và nghe ngóng diễn biến thị trường trong bối cảnh cầu tiêu thụ vẫn yếu khiến giá tiêu tháng 11/2024 biến động giảm đáng kể, nhưng mức giảm không đồng đều.

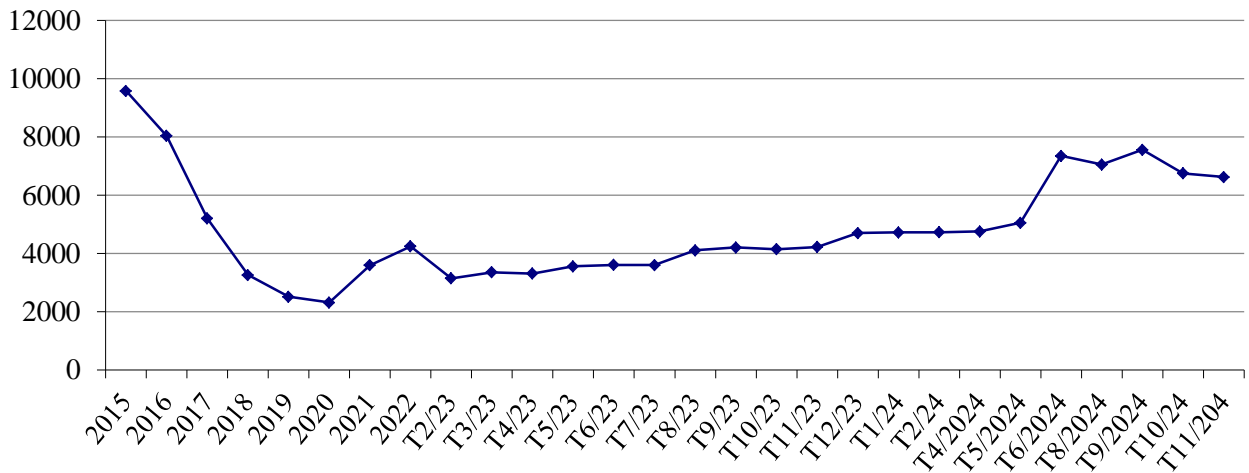
Cụ thể, giá tiêu đen của Brazil giảm khá mạnh, cuối tháng 11/2024 giá tiêu đen tại Brazil giảm xuống còn 6.150 USD/tấn, giảm gần 10% so với cuối tháng trước.

Giá tiêu đen Lampung của Indonesia giảm ít hơn, giảm 2,5% so với cuối tháng trước, xuống còn 6.624 USD/tấn.

Tại Malaysia giá tiêu đen ASTA của Malaysia giảm 3,4%, xuống còn 8.400 USD/tấn; giá tiêu trắng giảm 4,5%, xuống còn 10.500 USD/tấn.

Giá tiêu xuất khẩu của Việt Nam cũng giảm, với mức giảm khoảng 4,5% so với tháng trước đối với cả tiêu đen và tiêu trắng. Cụ thể giá tiêu đen của Việt Nam loại 500 gr/l giảm 4,6%, xuống còn 6.200 USD/tấn; loại 550 gr/l giảm 4,4%, xuống còn 6.500 USD/tấn; giá tiêu trắng của Việt Nam giảm 4,5%, xuống 9.400 USD/tấn.

Biểu đồ 7. Diễn biến giá hạt tiêu đen Indonesia từ năm 2015 đến nay (USD/tấn)



Nguồn: Trung tâm TTCN&TM tổng hợp

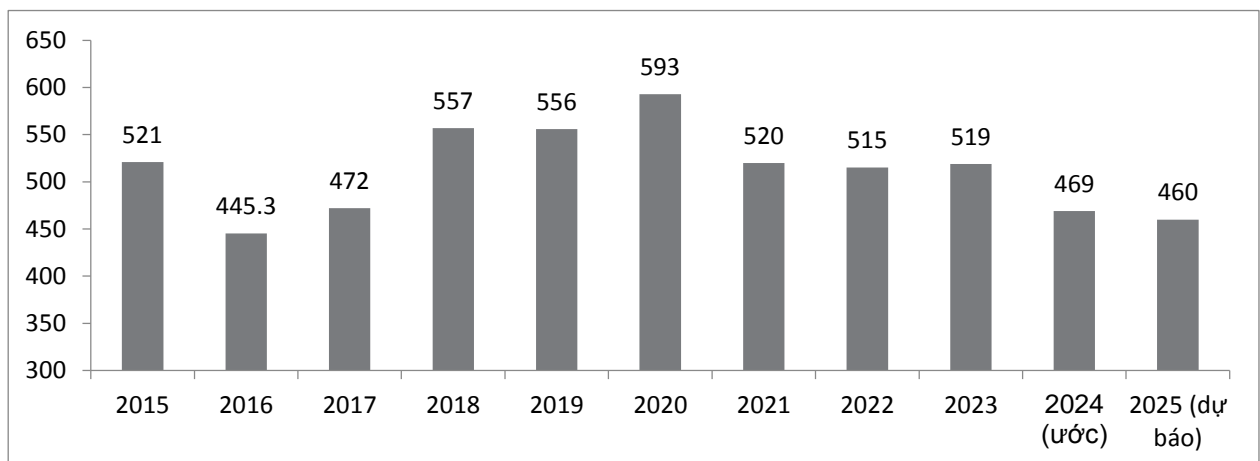
IV. DỰ BÁO, KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Trên thị trường thế giới, Indonesia đã kết thúc vụ thu hoạch từ tháng 10/2024 còn Brazil cũng đang vào cuối vụ thu hoạch, trong khi nguồn cung từ Việt Nam cũng đã cạn kiệt và vụ thu hoạch tiêu năm 2025 của Việt Nam phải đến tháng 3 mới cho thu hoạch, thậm chí có thể chậm hơn do điều kiện thời tiết không thuận. Cùng với đó, sản lượng tiêu năm 2025 của Việt Nam có thể vẫn tiếp tục giảm do thời tiết khô hạn từ năm 2023 và những tháng đầu năm 2024 và tiếp đến là mưa nhiều từ nửa cuối năm 2024 đã ảnh hưởng đến sinh trưởng, phát triển và kết trái của cây tiêu.

Ngoài ra cây tiêu vẫn đang bị cạnh tranh với một số cây trồng khác cho giá trị kinh tế cao hơn như cà phê, sầu riêng và một số loại cây ăn quả khác.

Với diễn biến này, dự báo sản lượng tiêu toàn cầu năm 2025 có thể chỉ đạt khoảng 460 nghìn tấn, giảm so với mức 469 nghìn tấn của năm 2024 và là mức thấp nhất kể từ năm 2016 đến nay.

Biểu đồ 8. Sản lượng hạt tiêu thế giới qua các năm, ước năm 2024 và dự báo năm 2025 (nghìn tấn)



Nguồn: Trung tâm Thông tin CN&TM tổng hợp

Dự báo ngành tiêu Việt Nam sẽ tiếp tục được hưởng lợi nhờ giá xuất khẩu ở mức cao do nguồn cung hạn chế. Về dài hạn, giá hạt tiêu xuất khẩu sẽ vẫn được hỗ trợ do sản lượng hạt tiêu vụ mùa 2025 của Việt Nam dự kiến giảm. Theo dự kiến, vụ hạt tiêu năm 2025 của Việt Nam sẽ thu hoạch gần như toàn bộ vào tháng 2, một số vùng kéo dài đến tháng 3 và tháng 4, chậm hơn 1 - 2 tháng so với những năm trước.

Bên cạnh đó, giá nhiều mặt hàng nông sản khác vẫn giữ ở mức cao, đặc biệt giá cà phê Việt Nam thậm chí còn tăng cho dù Việt Nam đang vào chính vụ thu hoạch cà phê năm 2024 cũng cho thấy triển vọng tích cực về giá đối với mặt hàng hạt tiêu.

MỤC LỤC

I. NGUỒN CUNG	2
1. Tình hình sản xuất, canh tác cây hồ tiêu	2
2. Tình hình nhập khẩu	5
II. TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU	6
III. DIỄN BIẾN GIÁ	10
IV. DỰ BÁO, KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT	11
DANH MỤC BIỂU ĐỒ	13
DANH MỤC BẢNG	13

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 1. Sản lượng hạt tiêu thế giới qua các năm, ước năm 2024.....	3
Biểu đồ 2. Sản lượng hạt tiêu của Việt Nam qua các năm và dự báo năm 2025 (nghìn tấn)	5
Biểu đồ 3. Nhập khẩu hạt hồ tiêu của Việt Nam qua các năm và 9 tháng năm 2024 (nghìn tấn)	6
Biểu đồ 4. Xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam qua các tháng từ năm 2021 đến nay (ĐVT: tấn).....	7
Biểu đồ 5. Giá xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam qua các tháng từ năm 2022 đến nay (ĐVT: USD/tấn).....	8
Biểu đồ 6. Giá xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam qua các năm và 10 tháng năm 2024 - giá xuất khẩu bình quân (Đvt: USD/tấn)	9
Biểu đồ 7. Diễn biến giá hạt tiêu đen Indonesia từ năm 2015 đến nay (USD/tấn)	11
Biểu đồ 8. Sản lượng hạt tiêu thế giới qua các năm, ước năm 2024 và dự báo năm 2025 (nghìn tấn)	11

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. Sản lượng hạt tiêu phân theo nước năm 2022, năm 2023 và dự báo năm 2024 (nghìn tấn)	3
Bảng 2. Thị trường cung cấp hồ tiêu cho Việt Nam	6
Bảng 3. Xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam sang các thị trường tháng 10 và 10 tháng năm 2024.....	7
Bảng 4. Giá xuất khẩu hồ tiêu bình quân sang các thị trường tháng 10 và 10 tháng năm 2024.....	9